

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 37/2024/DS- ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2024
V/v Tranh chấp buộc thực hiện nghĩa
vụ của hợp đồng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “V/v Tranh chấp buộc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 11 năm 2024; giữa các đương sự:

1, *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2, *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1994 - Luật sư Văn phòng Luật sư Tôn Nữ Thu H1 và công sự - Đoàn Luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số D N, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3, *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Hà Thị B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt). Đại diện theo ủy quyền của bà B là ông Trần Văn H (Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2024, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Trong năm 2018 và năm 2019 ông nhiều lần bán hàng đồ gỗ cho bà Trần Thị N có cửa hàng kinh doanh đồ gỗ hiệu Hoàng Gia P có địa chỉ tại thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Việc mua bán theo phương thức giao hàng trả tiền, có những lần không trả hết thì nợ lại và ghi vào sổ sách từng đợt và đều chốt trong sổ. Ngày 17/12/2019 ông và bà N đã chốt sổ tiền bà N còn nợ lại ông từ năm 2018 và 2019 là 307.000.000 đồng (Ba trăm linh bảy triệu đồng). Ông đã đòi nhiều lần nhưng bà N chỉ khát nợ. Năm 2021 ông đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết nhưng bà N xin khát nợ nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết, ngày 05/12/2021 bà N có ý định bán cho ông thửa đất để trừ nợ nhưng việc mua bán không thành. Đến nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị N phải trả cho ông số tiền mua bán đồ gỗ còn nợ sau khi đã đối chiếu là 307.000.000 đồng, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm. Trường hợp bà N không trả được nợ thì đề nghị tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị N là ông Nguyễn Mạnh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Bị đơn bà Trần Thị N trình bày: Về việc ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu bà trả nợ số tiền 307.000.000 đồng tiền nợ mua đồ gỗ theo giấy chốt nợ ngày 17/12/2019 là đúng, về số tiền nợ trên là đúng nhưng hàng là mua từ năm 2016 đến năm 2019, sau khi chốt nợ do hàng đã lấy giao cho Trung Quốc có những hàng không đảm bảo phải trả đi trả lại, việc làm ăn bị thua lỗ nên bà có đề nghị ông H lấy lại gỗ và hàng để trừ nợ nhưng ông H không đồng ý, năm 2021 bà cũng đã đề nghị ông H lấy thửa đất của gia đình bà nhưng việc giao dịch không thành. Đến nay ông H khởi kiện yêu cầu bà trả nợ số tiền 307.000.000 đồng bà hoàn toàn nhất trí nhưng do việc làm ăn gặp khó khăn bản thân bà bị thua lỗ, vỡ nợ, không còn kinh doanh nữa nên bà đề nghị ông H lấy lại hàng cho bà để trừ vào tiền nợ: Hàng hóa còn gồm có bàn Sofa, bà trà, bàn cờ bạc, bộ ba cắm, bộ ba hương và bàn học sinh hương, đôn hương, ván gỗ. Về giá cả thì giữa bà và ông H sẽ thỏa thuận nếu ông H đồng ý lấy hàng.

Tại bản tự khai ngày 29/10/2024 bà Hà Thị B trình bày: Bà là vợ ông Trần Văn H. Việc mua bán và nợ tiền như ông H trình bày là đúng. Đến nay ông H khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ số tiền 307.000.000 đồng bà nhất trí.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Trần Văn H khởi kiện bà Trần Thị N, bị đơn có địa chỉ tại xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc trả nợ số tiền mua bán đồ gỗ còn nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị B vắng mặt và có văn bản ủy quyền cho ông H nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Trần Văn H với bị đơn bà Trần Thị N. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông H khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền còn nợ sau khi chốt nợ. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Hợp đồng mua bán tài sản giữa ông H với bà N được thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của hai bên, việc mua bán được thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019. Ngày 17/12/2019 ông H và bà N chốt số nợ của năm 2018 và năm 2019, sau đó do đại dịch Covid nên việc mua bán không tiếp tục thực hiện, kể từ đó đến nay ông H đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ số tiền còn thiếu nhưng bà N chỉ khát nợ, năm 2021 ông H đã có đơn khởi kiện bà N nhưng sau đó bà N và ông H đã thỏa thuận bà N trả cho ông H thừa đất để trừ nợ nhưng việc giao dịch không thành công. Đến nay ông H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà N trả số tiền còn nợ từ việc mua bán đồ gỗ sau khi hai bên đã chốt số nợ là có căn cứ. Bà N đề nghị ông H lấy lại một số mặt hàng để trừ nợ nhưng giữa hai bên không thống nhất được giá, mặt khác hiện nay ông H không kinh doanh đồ gỗ nữa, không đồng ý lấy lại hàng nên đề nghị của bà N không được chấp nhận. Cần buộc bà N phải trả cho ông H số tiền còn nợ sau khi hai bên đã đối chiếu chốt nợ là 307.000.000 đồng. Ông H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật là 307.000.000

đồng x 5% = 15.350.000 đồng, hoàn trả cho ông Trần Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166, 430, 431, 434, 440, 280, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với bà Trần Thị N. Buộc bà Trần Thị N phải trả cho ông Trần Văn H số tiền là: 307.000.000 đồng (Ba trăm linh bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 15.350.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Văn H 7.670.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000524 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh